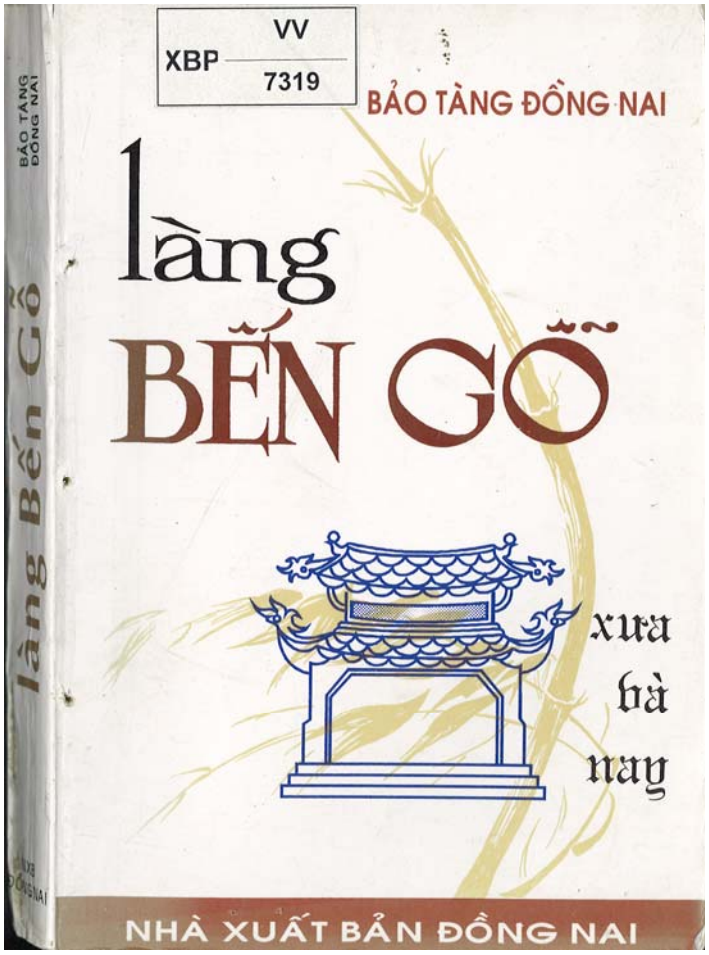

BẢO TÀNG ĐỒNG NAI

LÀNG
BẾN GỖ
XƯA VÀ NAY

PGS – PTS **DIỆP ĐÌNH HOA**

TỦ SÁCH HÀO KHÍ ĐỒNG NAI
NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
- 1995 -

LỜI CẢM ƠN

Quyển sách về làng Bến Gỗ này là kết qủa của sự khuyến khích, động viên và giúp đỡ thiết thực của anh Đỗ Bá Nghiệp. Bày tỏ những lời cảm ơn chân thành phải chăng là qúa khách sáo đối với phong cách người Việt, nhưng phong tục ghi nhận

công lao của những người đã có công giúp đỡ mình là một nét đẹp văn hóa Việt Nam. Đứng ở một góc độ nào đó, có thể nói rằng kết qủa này là công chung của các anh chị em công tác ở Bảo tàng Đồng Nai. Đặc biệt tôi muốn nhắc đến sự biết ơn của tôi đối với anh Lưu Văn Du, Phó Giám đốc Bảo tàng đã cùng tôi lặn lội để làm các thủ tục hành chính, anh Lương Toàn Thắng đã vất vả để lo liệu những công việc hậu cần, các đồng nghiệp Phan Đình Dũng, Nguyễn Hữu Lộc đã cùng chia sẻ những gian nan của công tác điền dã…

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn bà con cô bác, Hội Đồng Nhân Dân và Ủy Ban Nhân Dân xã Hòa Hưng đã góp phần làm cho công việc này có được hiệu qủa thiết thực. Cảm ơn UBND huyện Long Thành, UBND tỉnh Đồng Nai, sở Khoa học Công nghệ - Môi trường và sở Văn hóa Thông tin tỉnh Đồng Nai đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác.

Tôi cũng xin cảm tạ sự giúp đỡ qúy báu của ông Phan Đình Nham, Giám đốc Cục Lưu trữ II tại TP. Hồ Chí Minh về những sự bận rộn đã làm hao phí nhiều thời gian cho việc tập hợp những tư liệu cần thiết cho quyển sách này.

Tác giả
DIỆP ĐÌNH HOA

MỤC LỤC

Lời cảm ơn
Mục lục
Lời giới thiệu
I. Lưu vực song Đồng Nai
II. Xã Hòa Hưng – Làng Bến Gỗ
III. Đôi nét về qúa khứ Bến Gỗ
IV. Các kiến trúc phản ánh sự vĩnh hằng của nền văn hóa phi vật chất
V. Tính bền vững trong sự phát triển nông nghiệp

VI. Cá tính Bến Gỗ và văn hóa nhân văn
VII. Tính tự trị và tính đoàn kết ở Bến Gỗ
VIII. Các tổ chức xã hội
IX. Một cái nhìn về mặt dân tộc - thực vật học
X. Kết luận
Một số ảnh làng Bến Gỗ
Mục lục chi tiết
Chú giải các bảng, biểu, sơ đồ, ảnh Abstract
Phụ lục I. Danh sách những gia đình liệt sĩ không còn thân nhân chủ yếu của xã Hòa Hưng
Phụ lục II. Danh sách các liệt sĩ ở xã Hòa Hưng.
Phụ lục III. Danh sách các cụ phụ lão được chúc thọ Tết Nhâm Thân, 1992

LỜI GIỚI THIỆU

Sau một loạt công trình khảo cứu về truyền thống địa phương tỉnh Đồng Nai, lần này Nhà Bảo Tàng Đồng Nai công bố tác phẩm: "LÀNG BẾN GỖ XƯA VÀ NAY" do Phó Giáo Sư, Phó Tiến Sĩ Diệp Đình Hoa biên soạn nhằm giới thiệu những nét tổng quát về một "làng" khá tiêu biểu của vùng Đông Nam Bộ.

Làng Bến Gỗ là một cộng đồnglàng thuộc loại cổ ở Đồng Nai Nhưng lại rất mới so với các làng, xã thuộc đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ của Việt Nam. Tên gọi làng Bến Gỗ có từ lâu đời, trước đây bao gồm các xã An Hòa, Long Hưng và một phần các xã Phước Tân, Tam Phước (đều thuộc huyện Long Thành). Từ

năm 1975, xã An Hòa và xã Tân Hưng hợp nhất thành xã An Hòa Hưng; năm 1987, xã An Hòa Hưng lại hợp nhất với xã Long Hưng thành xã Hòa Hưng. Năm 1994, xã Hòa Hưng được chia thành 2 xã: An Hòa và Long Hưng như ngày nay. Thời điểm tác giả thực hiện công tác điền dã, xử lý tư liệu phục vụ cho tập sách này (1993 - 1994) là lúc xã HòaHưng chưa chia, mọi số liệu thống kê đều dựa vào đơn vị hành chính xã Hòa Hưng. Do vậy, người đọc không lạ khi thấy cùng tồn tại hai tên gọi: Làng Bến Gỗ, xã Hòa Hưng trong quá trình dẫn giải.

Sở dĩ chọn làng Bến Gỗ làm đối tượng nghiên cứu vì đây là một cộng đồng làng có truyền thống lâu đời, vừa mang tính đặc thù của riêng nó, vừa tiêu biểu cho hình thái làng xã Việt Nam ở vùng đất mới Đông Nam Bộ. Mặc dù đã nhiều lần thay đổi về tên gọi hành chính, làng Bến Gỗ vẫn bền vững tính cộng đồng, biểu lộ nhiều nội dung đáng phải nghiên cứu để trên cơ sở đó có thể hiểu biết được các cộng đồng làng khác ở Nam Bộ.

Sau LÀNG VIỆT (Tác phẩm viết chung 1993) và LÀNG NGUYỄN (1994), PGS, PTS Diệp Đình Hoa đã tích lũy nhiều kinh nghiệm và tư liệu để phân tích, tìm hiểu làng Bến Gỗ một cách sâu sắc. Bằng kiến thức phong phú ở nhiều lĩnh vực (dân tộc học, khảo cổ học, xã hội học, kinh tế học, văn hóa học...) và phương pháp nghiên cứu tổng hợp liên ngành, tác giả Diệp Đình Hoa đã khéo léo tái hiện một cộng đồng làng Bến Gỗ trong tiến trình lịch sử và trong quan hệ hiện thực của nó. Không chỉ người đọc xa lạ mà ngay người ở làng Bến Gỗ ắt cũng sẽ thú vị khi được hiểu rõ về cội nguồn, truyền thống và quá trình xây dựng, phát triển của Bến Gỗ qua tập sách này. PGS, PTS Ngụyễn Danh Phiệt có lời nhận định xác đáng : "Tập sách này dù chỉ chủ yếu giới thiệu về một làng cụ thể, nhưng qua những thăng trầm, chia tách, sát nhập, về một không gian địa vực, những đan xen chồng chéo về mặt quan hệ xã hội giữa cá nhân với cá nhân, giữa gia đình (hộ) với cộng đồng ; những vận động biến đổi, phân hóa trong sản xuất, phân phối; những

hội tụ bổ sung trong đời sống tâm linh, trong "văn hóa phi vật chất" qua thời gian khiến không chỉ những người làm công tác khoa học, mà cả những người làm công tác quản lý các cấp phải suy gẫm, rút ra những điều bổ ích nhằm hoàn thiện, cải tạo nông thôn hiện nay cho một nông thôn ngày mai theo định hướng đã chọn lựa..."

Vì thế, có thể nói rằng, tập sách này không chỉ có ý nghĩa như một "Địa chí làng Bến Gỗ" mà còn có giá trị của một công trình khoa học nghiên cứu về hệ thống hành chính cấp dưới huyện theo từng khu vực mà hiện nay đang là nhu cầu bức thiết của các nhà quản lý.

Với nguồn tư liệu điền dã sinh động và hệ thống tư liệu đối chứng khoa học; những nhận xét, đánh giá tinh tế của tác giả vừa làm cho người đọc hiểu biết một cách vui vẻ, vừa gợi mở những vấn đề xã hội khiến phải **giật mình**. *Có lẽ vì vậy mà 10 chương của tập sách dày trang nhưng không dài, nhiều đề mục nhưng không rối, nhiều bảng kê, biểu mẫu mà không thừa, người đọc phải động não nhiều nhưng không chán.*

Giá như kết qủa điền dã được tô đậm thêm ở lĩnh vực truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, di sản văn hóa dân gian như truyện kể, thơ ca, hò, vè... thì nội dung tập sách sẽ đầy đủ hơn, hấp dẫn hơn.

Trong khi nền kinh tế thị trường đang phát triển sinh động, diện mạo làng xã ở nông thôn thay đổi từng ngày từng giờ , "LÀNG BẾN GỖ XƯA VÀ NAY" quả là một món quà quí giá cho mọi người để từ đây có thể tìm hiểu về những vẻ đẹp Việt Nam, giá trị Việt Nam của cộng đồng làng xã Việt Nam.

HUỲNH TỚI

Chương I:

LƯU VỰC SÔNG ĐỒNG NAI

1) Từ những điều ghi chép cổ.

Đại Nam nhất thống chí, quyển XXVII, ghi: [(1)] "Tỉnh Biên Hòa có lẽ là nước Bà Lị xưa, sau là đất Bà Rịa và Đồng Nai. *(Đường thư chép*: nước Bà Lị ở phía Đông Nam nước Chiêm Thành, phía Nam nước này có nước Thù Nại, sau đời Vĩnh Huy (650-655) bị nước Chân Lạp kiêm tính. *Gia Định Thông chí* chép: Bà Rịa ngờ là nước Bà Lị xưa, còn Thù Nại, âm gần giống Đồng Nai, (có lẽ là đất Sài Gòn bây giờ). Năm Kỷ Mùi thứ 32 (1679) đời Thái Tông, bọn trấn thủ các châu Cao Lôi Liêm nước Minh cũ xin phụ thuộc, lấy đất Giản Phố cho họ ở, bọn họ mở đất, lập phố, đất ấy ngày một đông đúc, có phong tục như Trung Hoa; năm Mậu Dần thứ 8 (l698) đời Hiển Tông sai chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính lấy xứ Lộc Dã (tức Đồng Nai, người Thanh gọi là Nông Nại) đặt làm huyện Phúc Long, đặt dinh Trấn Biên (hồi đầu bản triều những đất ở biên giới gọi là "trấn", Trấn Biên thuộc tỉnh Gia Định), chiêu mộ dân xiêu tán từ Quảng Bình trở

[(1)] *Viện Sử học - 1971. Đại Nam Nhất thống chí (thế kỷ XIX). Tập V. NXBKHXH, HN: 34-36.*

vào cho đến ở, chia đặt thôn ấp, người Thanh trú ngụ cũng biên tên vào sổ bộ. Do cuộc loạn năm Giáp Ngọ (1774), đất này bị Tây Sơn chiếm cứ. Năm Mậu Thân (l788), thế tổ Cao Hoàng đã khôi phục Gia Định, vẫn đặt danh như cũ, đóng trọng binh để giữ; năm Gia Long thứ 7 (1808) đổi làm trấn Biên Hòa, lệ vào thành Gia Định, thăng huyện Phúc Long làm phủ, 4 tổng (Phúc Chính, Bình An, Long Thành và Phúc An) đều thăng làm huyện; năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Biên Hòa; (đặt tuần phủ lãnh việc bố chánh, dưới quyền tổng đỐc An-Biên và ti Án sát); năm thứ 14 (l833), Lê Văn Khôi nổi loạn, tỉnh thành thất thủ, sau khôi phục; năm thứ 18 (1837) đặt thêm phủ Phước Tuy và hai huyện Nghĩa An, Long Khánh; năm thứ 19 (1838) đặt thêm huyện Phước Bình; năm thứ 21 (1840) có 81 sách sơn man xin phụ thuộc, đặt 4 phủ: Tân Định, Tân Bình, Tân Lợi, Tân Thuận để vỗ trị; năm Tự Đức thứ 4 (1850) bỏ hai huyện Phước Bình và Long Khánh, cho các phủ Phước Long và Phước Tuy tinh nhiếp; huyện Nghĩa An cho huyện Bình An tinh nhiếp. Nay lãnh 2 phủ, 4 huyện và 3 huyện tinh nhiếp. "Hai phủ này thời Pháp thuộc, phủ Phước Long được chia thành hai tỉnh: Biên Hòa và Thủ Dầu Một, phủ Phước Tuy thành tỉnh Bà Rịa".

Đó là cách ghi chép theo quan điểm thế kỷ 19, cung cấp một cách nhìn về miền đất này từ nước Bà Lị, Thù Nại cho đến lúc

bấy giờ. Thế kỷ thứ hai mươi nhiều tác giả lại viết theo quan điểm mở nước.

Điều quan trọng là phải có cái nhìn hệ thống, tổng thể. Việc chọn một xã nhỏ trong vùng để khảo sát là cách tiếp cận từ một cái nhìn cụ thể để nhằm hiểu biết tương lai của sự phát triển. Một xã với mọi mặt phức hợp của nó chỉ là giọt nước nhỏ trong dòng chảy của thời gian vô tận. Nhìn gần để hiểu cái xa, vì đó là một bộ phận hữu cơ của đất nước thống nhất. Sự hòa hợp của các nền văn hóa khảo cổ, sự tích hợp của các nền văn minh, sự hủy phế của các triều đại, sự thay thế của các tộc người, tất cả phải chăng là sự hướng tâm mà những con người hiện nay đương sinh sống trong một địa bàn cụ thể nào đó vẫn là thước đo của vạn vật. Sự phát triển hiện nay cũng đang mang trong lòng nó những dấu ấn của con đường đã trải qua trong quá khứ.

2) Miền Đông Nam Bộ:

Miền Đông, Miền Tây, cách định danh như thế, rõ ràng người phát ngôn đã lấy mình làm vị trí trung tâm. Cái thước đo, dùng mình là chuẩn này đã cho thấy vị trí trung tâm là đất Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh. Miền Đông Nam bộ, là một cách gọi mới đây. Trước đây, khi đất nước còn phân chia ra Đàng Ngoài và Đàng Trong, thì trong các ghi chép của các cố

đạo theo Thiên Chúa giáo, đã xuất hiện các định danh Tây Đàng Trong và Đông Đàng Trong. Khi đất nước thống nhất, với việc phân chia các vùng kinh tế thì miền Đông Nam bộ là vùng VI [(1)], bao gồm 5 tỉnh hiện nay: TP. Hồ Chí Minh, Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Cách qui hoạch này nhìn kinh tế dưới góc độ địa lý.

Quan điểm của tổ nghiên cứu chiến lược kinh tế - xã hội Nam Bộ thì tính TP. Hồ Chí Minh thành khu trung tâm. Đông Nam Bộ ngoài 4 tỉnh đã nêu, còn có thêm Lâm Đồng thuộc vùng V và 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận thuộc vùng IV. Cách phân chia này có liên quan đến cách phân chia vùng B2 trong thời kháng chiến. Trong quá khứ lịch sử xa xưa cũng như trong tương lai, ba tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận đều có mối liên quan mật thiết với các tỉnh Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh và Bà Rịa - Vũng Tàu. Ở đây chúng ta sử dụng khái niệm miền Đông bao gồm cả 8 tỉnh thành. Sơ đồ l Vị trí của miền Đông Nam bộ.

Miền Đông Nam bộ là một miền đồng bằng cổ, gồm nhiều đồi bát úp, lượn sóng, thoai thoải, độ dốc dưới $l5^0$ chiếm 80% diện tích. Sông Đồng Nai có tổng lượng nước mặt là 31 tỷ mét

---

[(1)] Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số Trung ương 1991. Tập bản đồ dân số Việt Nam, Hà Nội. Bản đồ 7, tr.12.

khối năm. Đây là vùng có ưu thế về cây công nghiệp (ngắn ngày, dài ngày), rừng và dịch vụ. Bảng 1. Diện tích, dân số miền Đông Nam bộ.

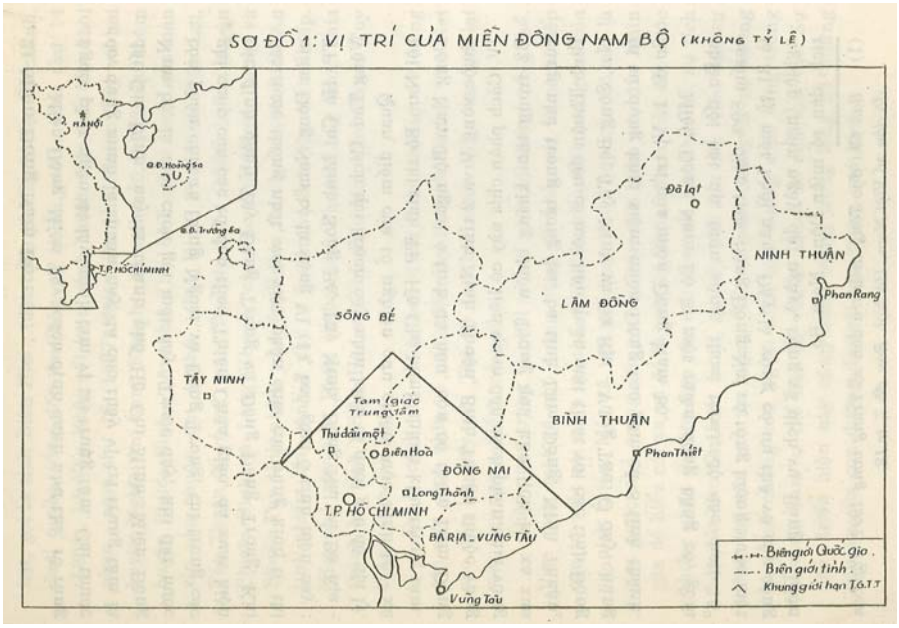

(Bảng 1)

	Diên tích tự nhiên km^2	D.tích đất nông nghiệp 1000ha	D.tích đất lâm nghiệp 1000ha	Dân số 1000 người	Mật độ dân số ng/km2	Bình quân số học sinh p.thông trên vạn dân	Số y bác sĩ 1989 trên vạn dân	Số giường bệnh 1989 % cả nước
7 tỉnh Đông Nam Bộ	42980	956,6	2291,3	5712,5	133	1802	7,08	25,6
TP. Hồ Chí Minh	2089	90,4	35,9	3872,0	1853	1731	8,60	35

Hệ số quay vòng đất bình quân ở Miền Đông là 1,2, trong lúc đó ở đồng bằng sông Hồng là 1,8. Dân số, so với cả vùng Nam Bộ, theo tổng điều tra dân số năm 1989, 7 tỉnh chiếm 23,61%, TP. Hồ Chí Minh 16,00%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa cũng như tổng trị giá xuất nhập khẩu, đầu tư, so với toàn Nam Bộ lớn. Bảng 2. Tình hình kinh tế Miền Đông năm 1986- 1989 (7 tỉnh và TP. Hồ Chí Minh) so sánh với Nam Bộ.

(Bảng 2.)

Năm	Tổng mức bán lẻ hàng hóa %	Tổng trị giá xuất khẩu trực tiếp USD %	Tổng trị giá nhập khẩu trực tiếp USD %	Đầu tư xây dựng cơ bản %
1986	16,7 - 53,0	14,4 - 65,9	10,5 - 73,0	58,54 - 13,00
1987	13,5 - 53,8	14,9 - 64,2	15,4 - 64,8	49,12 - 19,30
1988	13,5 - 56,8	7,6 - 65,1	8,5 - 66,5	35,34 - 14,22
1989	12,6 - 50,2	8,8 - 49,5	9,0 - 60,9	32,92 - 18,62

3) Vài nét về sự chiếm lĩnh và làm chủ lưu vực Đồng Nai:

Sự chuyển biến từ nền kinh tế cướp đoạt chuyển sang nền kinh tế sản xuất là một điểm mới mang tính cách mạng về kỹ thuật thuộc thời đại đồ đá. Ở lưu vực sông Đồng Nai hiện vẫn chưa có bằng chứng tìm hiểu về điểm này. Với sự phổ biến của kỹ thuật luyện đồng, người xưa đã chiếm lĩnh vùng miền Đông để phát triển nền kinh tế sản xuất. Các di tích khảo cổ thuộc thời

đại đồ đồng thau và sơ kỳ thời đại đồ sắt phần lớn đã hình thành nên một hệ thống chủ thể, gồm 6 giai đoạn phát triển liên tục, kế tiếp nhau: giai đoạn Cầu Sắt, giai đoạn Bến Đò, giai đoạn Cù Lao Rùa, giai đoạn Dốc Chùa, giai đoạn Dầu Giây và giai đoạn Ốc Eo. [1] Đặt trong tổng thể của nền văn minh Đông Sơn, thì đây là một tiểu hệ thống. Vào buổi đầu thời đại đồ đồng thau, tính đa dạng đã tạo nên sự khác biệt lớn. So với tiểu hệ thống ở vùng sông Hồng, tiểu hệ thống này tồn tại phổ biến những di tích mà rìu bôn có vai chiếm ưu thế. Ở đây những di tích phổ biến là những chiếc rìu bôn hình tứ giác lại thuộc vào những di tích nằm ngoài hệ thống, như các di tích Bình Xuân, Đồi Mít, Đồi Xoài... [2]

Vùng ven biển, liên quan đến hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, những di tích sớm của thời đại đồ đồng có những vấn đề gì với văn hóa Xóm Cồn ở Khánh Hòa [3] cũng đang còn phải nghiên cứu thêm. Những người từ phía biển tiến vào, chủ nhân của những đồ gốm cứng văn in, có khả năng thuộc về một nền

---

[1] Diệp Đình Hoa, 1978. Người Việt cổ phương Nam vào buổi bình minh của thời dựng nước. Khảo cổ học, 1: 61-69.

[2] Lê Xuân Diệm và tập thể. 1992. Khảo cổ học Đồng Nai. NXB Đồng Nai - 63, 64, 74, 76.

[3] Viện Bảo Tàng lịch sử VN. Sở Văn Hóa thông tin Khánh Hòa 1993. Văn hóa Xóm Cồn với tiền sử và sơ sử Khánh Hòa, Nha Trang.

văn hóa Cần Giờ. [1] Có tộc người từ núi xuống và có tộc người từ biển tiến vào.

Cuối sơ kỳ thời đại đồ sắt sự phát triển đưa dần đến sự hòa nhập. Trong các di tích thuộc tiểu hệ thống Cầu Sắt - Ốc Eo, cũng như các di tích ở vùng ven biển thuộc các nền văn hóa khảo cổ khác đều thấy xuất hiện những chứng tích phản ảnh sự có mặt của các tộc người thuộc văn hóa Sa Huỳnh. Sự tích hợp này tạo nên sự hướng tâm vào nền văn minh Ốc Eo, cơ sở vật chất của nước Phù Nam xuất hiện vào khoảng trước sau Công Ngụyên. Phù Nam là một nước rộng lớn mà địa vực của nó có thể đã bao trùm cả phần đất hiện nay có liên quan đến Thái Lan, Mianma. Trong nước lớn này tất nhiên có nhiều nước nhỏ mà sổ sách xưa hay nhắc đến như: Bà Lị, Thù Nại, Xích Thổ v.v... Đến thế kỷ thứ 7 đây là phần đất thuộc Chân Lạp, rồi Thủy Chân Lạp. Từ thế kỷ thứ 9, thuộc vương quốc Khơme. Năm l623 sứ bộ của Đàng Trong đã đến kinh đô Cudong xin thiết lập cơ sở Preykôr. Quá trình làm chủ vùng này là cả một quá trình tích hợp văn hóa, công sức của nhiều người.

4) Đôi nét về cấp hành chính ở cơ sở của Nam Bộ trước lúc Pháp chiếm:

---

[1] Diệp Đình Hoa, Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền. 1994. Kích thước Cần Giờ qua những phát hiện mới về khảo cổ học. Hội nghị thông báo những phát hiện mới về KCH năm 1994.

Các cấp hành chính cơ sở của nước ta trước lúc Pháp sang có thể có đến 84 loại. [1] Đối với 6 tỉnh Nam Bộ thì chỉ có 6 loại : Phố, bang, thôn, xã, phường, ấp. Tỉnh Định Tường chỉ thuần túy có cấp thôn. Cấp phố chỉ có ở hai tỉnh An Giang, Hà Tiên. Cấp phường ấp chỉ có ở hai tỉnh Biên Hòa và Gia Định. Bảng 3. Cấp hành chính cơ sở ở Nam Bộ trước lúc Pháp chiếm. (Nguồn: Đại Nam nhất thống chí, tập V. NXB KHXH, Hà Nội, 1971).

(Bảng 3)

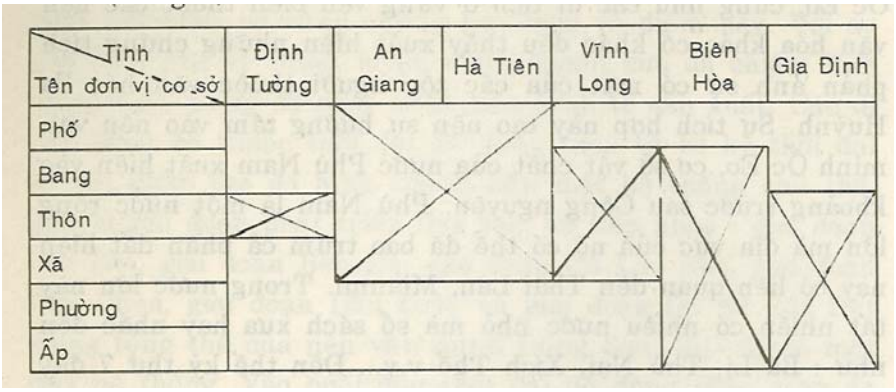

Tỉnh / Tên đơn vị cơ sở	Định Tường	An Giang	Hà Tiên	Vĩnh Long	Biên Hòa	Gia Định
Phố						
Bang						
Thôn						
Xã						
Phường						
Ấp						

5) Xu thế hình thành tam giác trung tâm

Trong xu thế phát triển mới, các thành phố trong vùng với sự gắn kết về địa lý, lãnh thổ, lịch sử, đang có xu thế gắn kết về tổ chức, về kết cấu hạ tầng và cơ cấu kinh tế - xã hội. Sự gắn kết của các đô thị đa chức năng: TP. Hồ Chí Minh, TP. Biên Hòa và

[1] *Diệp Đình Hoa, 1994. Sự vận hành của cấp hành chính ở cơ sở. Dân tộc học 2: 13-25.*

TP. Vũng Tàu sẽ hình thành nên tam giác trung tâm, không chỉ của miền Đông mà của cả Nam Bộ. Tam giác trung tâm này sẽ thúc đẩy sự phát triển của Tây Nguyên và trong cả nước.

Sự phát triển của ngày hôm nay cũng đã đặt ra nhiều vấn đề mới. Về mặt địa hình tự nhiên, còn phải tính đến vùng thềm lục địa và vùng lãnh hải Miền Đông. Tài Nguyên khoáng sản tuy chưa đánh giá hết trữ lượng, nhưng giá trị kinh tế ngày càng được phát huy. Mức đóng góp cho ngân sách nhà nước năm l992 của tam giác trung tâm đã gần 2/3 phần thu nộp của cả nước. Bảng 4. Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân vùng tam giác trung tâm về bình quân đầu người. Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam, số l3, 26-8 - l-9-1993.

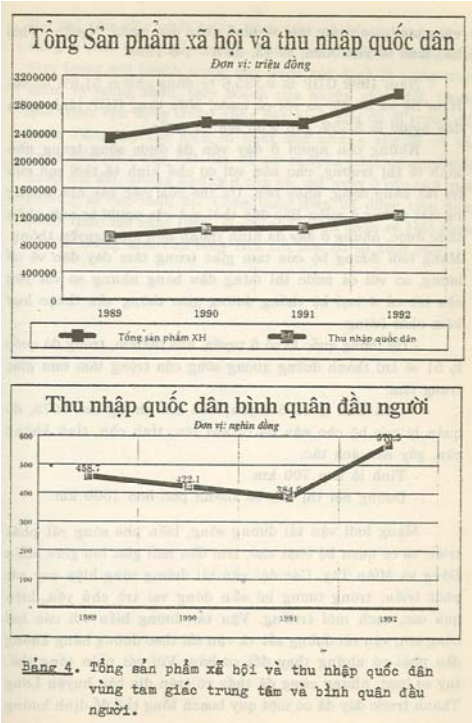

Bảng 4. Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân vùng tam giác trung tâm và bình quân đầu người.

Năm 1992 GDP là 9.335,6 tỷ đồng chiếm 51,8% so với Nam Bộ và 30,2% so với cả nước. Mức tăng GDP bình quân đầu người là 8,35% gấp 2,55 lần cả nước.

Những con người ở đây vốn đã được sống trong nền kinh tế thị trường, cho nên với cơ chế kinh tế thời mở cửa họ rất năng động, nhạy bén. Ưu thế của việc xây nhà hướng ra mặt đường ở miền Bắc đến thời mở cửa người ta mới nhận thức được, nhưng ở đây đã hình thành nên một truyền thống. Mạng lưới đường bộ của tam giác trung tâm dày đặc về số lượng, so với cả nước thì

đứng đầu bảng nhưng so với yêu cầu tất cả 4 loại hệ thống đường giao thông vẫn thuộc loại kém chất lượng.

- Hệ thống quốc lộ có 6 tuyến, hơn 300 km, trong đó quốc lộ 51 sẽ trở thành đường xương sống của trọng tâm tam giác trung tâm.

- Liên tỉnh lộ có 6 tuyến, 405 km nhưng sau l975, do quản lý cục bộ cho nên đã bị xóa tên, tỉnh cần, tỉnh không cần, gây nên ách tắc.

- Tỉnh lộ hơn 700 km.

- Đường nội thị của ba thành phố hơn l500 km.

Mạng lưới vận tải đường sông, biển pha sông rất phát triển và có quan hệ chặt chẽ, làm đầu mối giao lưu giữa Miền Đông và Miền Tây. Các đội vận tải đường sông hiện nay rất phát triển, trong tương lai vẫn đóng vai trò chủ yếu, hiệu quả cao, sạch môi trường. Vận tải đường biển với các hải cảng lớn, vận tải đường sắt và vận tải theo đường hàng không đều phải có những thay đổi cơ bản. Với cái nhìn tổng thể, tuy sơ lược, nhưng cũng đã thấy rõ trên địa bàn huyện Long Thành trước đây đã có một quy hoạch tổng thể để định hướng lâu dài cho việc phát triển kinh tế - xã hội, nhưng nay rõ ràng là phải có sự điều chỉnh. Điểm mà chúng ta đương quan tâm trong qui hoạch

trước đây được xác định là vùng trọng điểm về lương thực. Quy hoạch của huyện chưa đổi, nhưng qúa trình vận động trong nhân dân hình như đã đi trước một bước. Điều này thể hiện rõ nhất đến những vấn đề có liên quan đến sử dụng đất đai và sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai, không những ở cấp xã, mà ngay ở cấp bán quan phương là các thôn ấp. Công cuộc điền dã được tiến hành chính thức vào năm 1992, vì vậy chúng tôi chọn xã Hòa Hưng như là trung tâm của làng Bến Gỗ làm cơ sở xuất phát.

Chương II:

XÃ HÒA HƯNG - LÀNG BẾN GỖ

1) Đơn vị hành chính:

Xã Hòa Hưng - làng Bến Gỗ thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo quốc lộ 51, hướng TP. Hồ Chí Minh - Vũng Tàu đến Km 02 sẽ gặp một trục số, ghi : TP.HCM 29km - Vũng Tàu 85km, chúng ta sẽ gặp cổng vào xã Hòa Hưng về bên phải hướng đi, được xây bằng gạch. Xã Hòa Hưng cách TP. Biên Hòa 07km - Những người dân lao động đi làm ở TP.HCM, đi bộ hay bằng xe đạp thường thích đi đò, qua sông là đến nơi. Đó cũng là phương hướng của con đường tương lai từ TP. Hồ Chí

Minh đi Long Thành, không phải vòng qua khu công nghiệp Biên Hòa. Sơ đồ 2. Xã Hòa Hưng, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Sau năm l975, xã Hòa Hưng là sự hội nhập của nhiều xã Lúc đầu là hai xã An Hòa và Tân Hưng, thành xã An Hòa Hưng. Sau đó theo quyết định số 196. HĐBT 12.2.1987 An Hòa Hưng hợp nhất với xã Long Hưng, thành ra xã Hòa Hưng. Ngày nay lại phân chia ra xã An Hòa và xã Long Hưng.

2) Quá trình hội nhập:

Có thể từ thế kỷ XVIII trở về trước địa bàn được nghiên cứu chỉ là một vùng hoặc một làng Bến Gỗ mà thôi.

Năm 1808 tổng Long Thành được nâng cấp thành huyện, gồm có 2 tổng, 63 xã, thôn, phường, ấp. Theo Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức [(1)] thì tổng Long Vĩnh mới lập có 31 thôn, xã, 1 phường và 1 ấp. Xem danh sách của 34 xã thôn phường ấp này, chúng ta có thể phát hiện ra những đơn vị cơ sở thời đó vẫn còn là những địa danh hiện nay, như: ấp Phước Hậu, các thôn Phước Khả, Phước Châu, An Hòa, An Xuân. Thôn An Hưng sau này thành xã Tân Hưng. Giữa thế kỷ XIX huyện Long

---

[(1)] Trịnh Hoài Đức. Gia Định thành thông chí. Sách đã được dịch ra tiếng Pháp và tiếng Việt. Ở đây tôi sử dụng bản Trung văn do Đái Khả Lai và tập thể hiệu chú 1991. Lĩnh Nam chích quái đẳng sư liệu tam chủng. Trung Châu cổ tịch xuất bản xã. Tuy vậy trong sách này, trang 140, thôn Phú Mỹ được tính hai lần.

Thành lãnh 4 tổng, 61 xã thôn. Tổng Long Vĩnh và tổng Thành Tuy, mỗi tổng phân thành hai, theo Thượng và Hạ. Qua Đại Nam Nhất thống chí, chúng ta biết thêm có chợ Thiết Tượng, thuộc thôn Thiết Tượng, cũng gọi là chợ Lò Sắt. Có thể vào lúc này chợ An Hòa, thuộc thôn An Hòa, mới được gọi là chợ Bến Gỗ. Địa danh Bến Gỗ hiện nay vẫn được sử dụng để gọi chợ Bến Gỗ. Theo "Sổ địa danh" họ đạo "trước năm 1747", thì họ đạo Bến Gỗ, thuộc dòng Jémites, có 200 con chiên. [(1)] Ngày nay giáo xứ Bến Gỗ lại thuộc xã Long Bình Tân. Những người theo đạo Tin Lành cũng dùng địa danh Bến Gỗ để gọi giáo phận của mình. Bến Gỗ xưa là một vùng, theo địa giới hành chính hiện nay, bao gồm phường Long Bình Tân, các xã: An Hòa, Long Hưng, một phần phước Tân, Tam Phước.

1861 một trung tá người Pháp được bổ nhiệm làm quan đầu tỉnh Biên Hòa. Thời Pháp, huyện Long Thành lúc đầu vẫn có 4 tổng, nhưng chỉ có 56 làng xã. Sau đó chỉ còn 3 tổng, không còn tổng Long Vĩnh Hạ. Tổng Long Vĩnh Thượng lúc này chỉ còn có 9 làng, trong số này có làng An Hòa, làng Thiết Tượng và làng Long Hưng với ba ấp: Phước Hội, An Xuân và Tân Xuân. Số lượng các cấp cơ sở từ 34, rút xuống thành 16 rồi 9 ở trong một tổng có gợi ý gì để cho chúng ta có thể tham khảo về sự hội

---

[(1)] Nguyễn Văn Quí sưu tập. 1991. Những họ đạo cổ xưa. Soạn giả xuất bản. tr.XVII. Năm 1747 là theo năm xuất

nhập trong vòng 300 năm của 8 làng thành xã Hòa Hưng. Theo quyết định của chủ tịch UBND huyện Long Thành, số 547. QĐ.UBH ngày 30-8-1994, lại phân ra thành hai xã: An Hòa và Long Hưng.

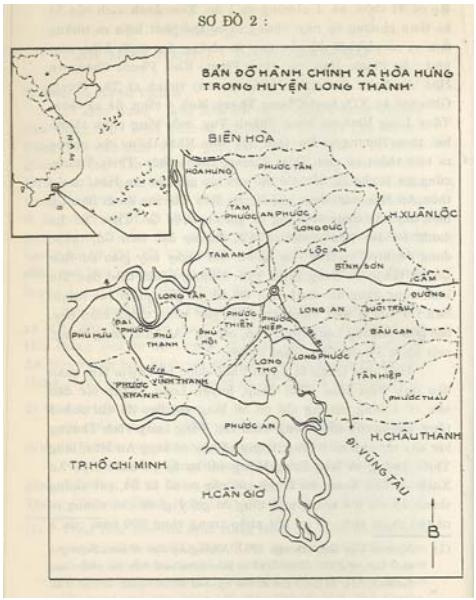

3) Thực trạng về tình hình cơ bản và cơ sở hạ tầng:

a. Ranh giới hành chính và tình hình cơ bản:

Xã Hòa Hưng nằm vào đầu huyện Long Thành, phía bắc và đông bắc có quốc lộ 51 bao bọc, đông giáp xã Phước Tân và xã Tam Phước, tây bắc giáp xã Long Bình Tân, tây và nam giáp sông Đồng Nai. Nhân dân đã khái quát: đầu xã nỗng ông Hoàng, cuối xã vàm Sứt Mũi. Từ đường 51 vào đến trụ sở UBND xã có

---

bản tác phẩm của Launay. I.II. 187. Có thể từ thế kỷ XVI đã có người đi đạo ơ xứ này.

một đường rải nhựa. Qua cầu Bến Gỗ đến Rạch Cây Ngã là đường rải đá, có thể đi xe máy hoặc xe đạp. Tiếp đến vẫn có đường cho đến ngã ba Lang Lùn, nơi cuối xã, nhưng tốt nhất, dù là mùa khô, cũng chỉ nên đi bộ. Dựa vào con đường rải nhựa, xã phân ra ấp I nằm ở phía đông, rất rộng và ấp II ở phía tây con đường. Qua cầu Bến Gỗ trước đây thuộc xã Long Hưng, vốn là một cù lao. Ấp Phước Châu nay không có người cư trú cho nên chỉ còn hai ấp Phước Hội và An Xuân. Sơ đồ 3. Ranh giới hành chính xã Hòa Hưng. UBHC xã cung cấp.

Trên địa bàn xã có đến 10 trạm biến thế điện, công suất 352 KVA, nhưng chỉ có 3 ấp có điện. Ấp An Xuân lại trở thành vùng "sâu" không có "đường", không có điện. Số hộ được dùng điện là l996/2994 hộ, 66,66%, số hộ dùng nước giếng là 2317/2994 hộ, 77,38%.

b. Diện tích, đất đai

Ngân hàng thế giới đã có một nhận xét chung là mật độ dân số Việt Nam hơn 900 người trên một cây số vuông đất nông nghiệp, cao hơn cả Trung Quốc hoặc Thái Lan [(1)].

Ở Hòa Hưng qua số liệu thống kê đã chứng tỏ xã này còn nằm ngoài quy luật đã nêu. Mặt khác do tính đa dạng của đất đai

---

[(1)] *Ngân hàng thế giới. 1994, Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường. NXBCTQG, Hà Nội: 11.*

ở Hòa Hưng, phần nào cũng tạo nên một cảm giác cho những ai đến đây một sự thoải mái, đủ thừa. Sau khi chia xã, An Hòa chỉ còn 950ha, nhưng lại phải để ra 200ha làm làng du lịch. Long Hưng đất rộng lại trở thành nghèo.

Hòa Hưng nằm ở tiếp giáp giữa thềm phù sa cổ và thềm sông hiện đại. Đi dọc đoạn đường nhựa của xã, cho đến chợ Bến Gỗ, nhà cửa vẫn ken sít, chen chúc nhau, hình như đất chật người đông, thật ra chỉ cần đi sâu vào hai bên đường mỗi bên khoảng 10m là đã có những nhà với vườn rộng, cây trái xum xuê. Núi Phước Khả trước năm 1945 là đồn điền, nay mọi người từ các nơi hội tụ về thành một nơi quần cư đông đúc. Những đồi đất đỏ như bát úp có những số phận khác nhau. Ở Thiết Tượng, dân đến đào lấy xỉ sắt, quặng sắt về làm nền nhà, chỗ nào có đường thuận tiện máy xúc, máy ủi cào đống để bán làm Ngụyên vật liệu, chế biến vật liệu xây dựng. Những đồi trọc bị latêrit hóa trở thành những bãi chăn thả. Kênh rạch san sát, nhưng dọc ven *sông Sài Gòn,* người ta vẫn vượt thổ, chen với ao sông từng mét đất. Những con kênh thủy lợi đắp nổi, làm xong không sử dụng, chả thành đường, chả thành đê, nhưng không ai nghĩ đến chuyện phá. Mặt nước ruộng ấp Phước Châu cũ, các tập đoàn sản xuất bán khoán, thực chất là bán khống, cho các hộ chăn nuôi vịt, xảy ra tranh chấp, không còn tập đoàn sản xuất nữa, có kiện cáo

đến ủy Ban Nhân Dân Xã cũng chả biết đằng nào mà giải quyết. Từ năm 1994, đất đai mới giao hẳn cho các hộ trong xã quản lý. Toàn bộ diện tích tự nhiên của xã là 2276, 7800 ha.

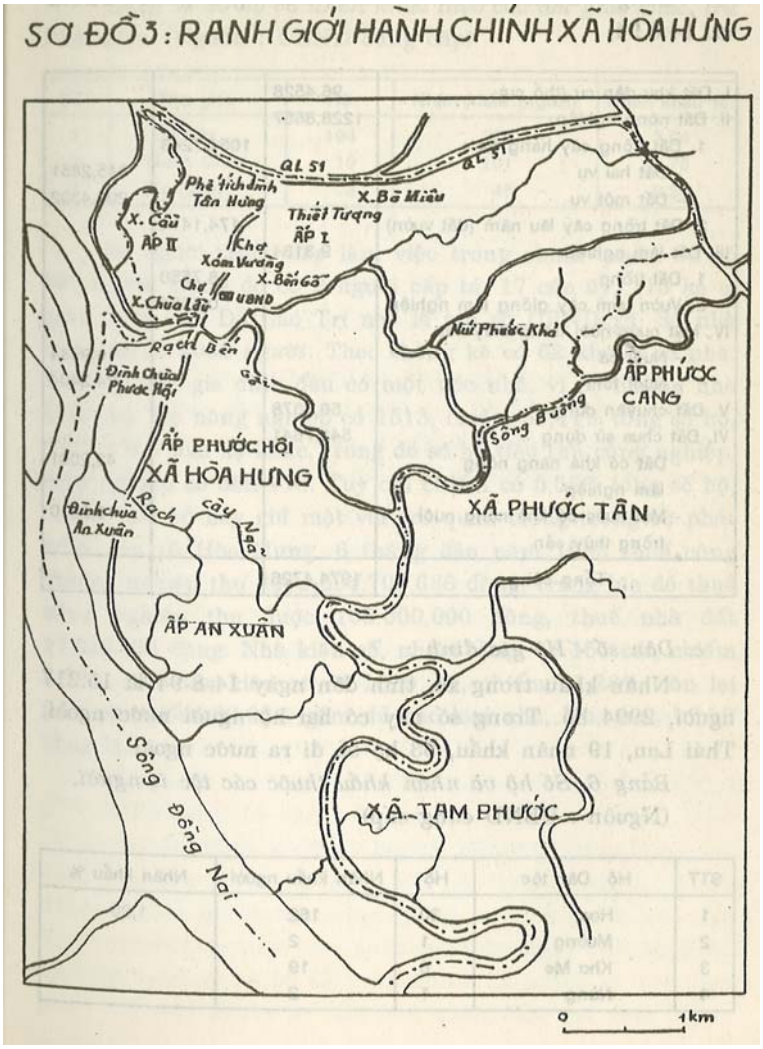

Bảng 5. Diện tích đất của xã Hòa Hưng (Nguồn : UBND xã. 14.8.94)

I. Đất khu dân cư (thổ cư)	96,4528		
II. Đất nông nghiệp	1228,8657		
1. Đất trồng cây hàng năm		1054,7243	
- Đất hai vụ			845,2851
- Đất một vụ			209,4392
2. Đất trồng cây lâu năm (đất vườn)		174,1414	
III. Đất lâm nghiệp	9,3134		
1. Đất trồng		8,7550	
2. Vườn ươm cây giống lâm nghiệp		0,5584	
IV. Mặt nước nuôi trồng thủy sản			
- Nuôi cá			16,9984
- Nuôi tôm			24,2404
V. Đất chuyên dùng	56,8378		
VI. Đất chưa sử dụng	541,7641		
- Đất có khả năng nông lâm nghiệp			43,2001
- Mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản			13,2910
Tổng cộng	1974,4726		

c. Dân số - Hộ gia đình:

Nhân khẩu trong xã, tính đến ngày 14-8-94 là 15.217 người, 2994 hộ. Trong số này có hai hộ người nước ngoài Thái Lan, 19 nhân khẩu, 53 hộ bỏ đi ra nước ngoài.

Bảng 6. Số hộ và nhân khẩu thuộc các tộc ít người.

(Nguồn: UBND cung cấp).

STT	Hộ Dân tộc	Hộ	Nhân khẩu người	Nhân khẩu %
1	Hoa	30	162	1,20
2	Mường	1	2	
3	Khơ Me	6	19	
4	Nùng	1	2	

Bảng 7. Số hộ và nhân khẩu theo các tôn giáo khác, trừ Phật giáo. (Nguồn : UBND cung cấp)

STT	Tôn giáo	Hộ	Nhân khẩu (người)	Nhân khẩu %
1	Cao Đài	194	529	3,94
2	Thiên Chúa	19	101	0,75
3	Tin Lành	3	45	0,33

Số người trước đây làm việc trong chính quyền cũ có 567 người, trong đó có 2 người cấp tá, 17 cấp úy, 115 hạ sĩ quan. Nhà của Đỗ Cao Trí nay là trụ sở UBND xã. Số nhà trong xã có 2932 *người.* Theo thống kê có 62 không có nhà. Thực tế mỗi gia đình đều có một nóc nhà, vì có những nhà nhiều hộ. Hộ nông nghiệp có 1513, chiếm 59,11% tổng số hộ, còn lại là 7 loại hộ khác, trong đó số hộ tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp có đến 118. Tuy chỉ chiếm có 5,58% tổng số hộ, nhưng loại hộ này giữ một vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã Hòa Hưng. 6 tháng đầu năm 1993 thuế công thương nghiệp thu được 694.708.686 đồng, trong lúc đó thuế công nghiệp thu được 105.000.000 đồng, thuế nhà đất 17.528.456 đông. Nhà kiên cố, nhiều tầng, có 151 cái, chiếm 5,78%, nhà bán kiên cố có 1820

cái, chiếm 61,28%, còn lại 961 cái chiếm 32,93% gồm đủ các loại nhà, lều, trại, "chòi" bằng lá.

Bảng 8. Sự phát triển của số nhân khẩu và số hộ từ thời mở cửa - 1993. (Nguồn : UBND xã cung cấp)

Năm	Số hộ	Số khẩu (người)	Nam (người)	Nữ (người)	18 tuổi trở lên	Nam (người)	Nữ (người)	Nam % n.khẩu	Nam % trên 18t.
1989	2217	12030	5671	6359	8016	4330	3686	47,14	54,01
1990	2273	12323	5807	6516	8164	4413	3751	47,12	54,05
1991	2405	12998	6118	6880	8292	4481	3811	47,06	54,04
1992	2481	13221	6346	6975	8435	4569	3866	47,63	54,16
1993	2504	13425	6402	7023	8462	4585	3873	47,68	54,18

Điều này cho thấy trong sự phát triển số lượng của giới nam, theo nhân khẩu, tỷ lệ luôn luôn ít hơn giới nữ, nhưng ở độ tuổi lao động, tỷ lệ này ở giới nam lại cao hơn. Nhìn chung, vẫn giữ được tính chất ổn định.

d. Cơ sở hạ tầng:

Đường sá trong xã và thôn xóm, có lẽ chưa nên bàn đến chất lượng, vì đường 51 cũng chưa đạt yêu cầu về kỹ thuật. Với 30 chiếc ô tô trong toàn xã, trong đó có 20 chiếc ô tô vận tải, đó là tiền đề cho dân trong xã chú ý đến đường sá, không có cảnh làm đường xong lại đào, vừa mở xong lại lấp, như tình trạng thường hay gặp ở nhiều xã trong nông thôn nước ta. Bên cạnh đó với sự phát triển của công nghiệp, chế biến Nguyên vật liệu, cho nên

nơi nào xe chạy được là thành đường. Những đoạn có cầu qua kênh rạch thì người ta dùng xe bò, xe máy. Ấp An Xuân, ít đường bộ nhưng với gần 100 chiếc tàu, thuyền vận tải cơ giới. Nhân dân vận dụng các loại kênh rạch, những ghe thuyền đánh cá, hoặc để đi làm, đường, cũng như xe đạp, không thể có một con số thống kê chính xác. Xã có 44 xe máy kéo lớn và 40 máy kéo nhỏ . Máy kéo nhỏ ra ruộng làm đất cũng được ghe thuyền chở ra tận ruộng. 796 ha được làm đất bằng máy, 12 máy xay xát.

Hai chợ xã họp thường ngày, thay phiên nhau. Chợ Bến Gỗ họp buổi sáng, là chợ của toàn vùng. Chợ Thiết Tượng buổi chiều, là chợ riêng của dân trong xã. Buổi sáng sớm và tối là thời gian các hàng quán hoạt động, cả dân thành phố Hồ Chí Minh cũng đến đây ăn nhậu. Điều này cũng phần nào phản ánh sự phát triển về giao thông, nhưng cái chính vẫn là sự hấp dẫn của những đặc sản Bến Gỗ.

Hòa Hưng có một trạm xá công cộng với hai y tá và hai bác sĩ. Bên cạnh đó dịch vụ y tế tư nhân cũng rất phát triển. Hai trạm hộ sinh tư nhân nay tuy đóng cửa, nhưng với xu thế chung, trên cơ sở những yêu cầu của nhân dân địa phương, họ cũng sẽ thành lập lại. Rõ ràng là trạm xá không thể đảm đương nhiệm vụ này, còn nhân dân trong vùng lại không muốn đi xa.

Xã có trạm bưu điện, trạm truyền thanh và 19 máy điện thoại. Truyền hình và truyền thanh phổ biến ở hai ấp I và II. Ấp Phước Hội tuy có điện, nhưng dân ít sử dụng truyền hình. Hai trường phổ thông cấp l, đương có ý định tách thành ba, để cho các cháu nhỏ đi học thuận tiện hơn. Trường phổ thông cơ sở cấp II mới thành lập. Học sinh trung học thường lên Biên Hòa. Hệ thống nhà trẻ không phát triển, chỉ có 6 lớp mẫu giáo.

Trước đây Hòa Hưng có một thời kỳ thuộc về thành phố Biên Hòa nông thôn, cho nên các mặt y tế, văn hóa, giáo dục vẫn còn chịu ảnh hưởng chi phối của thành phố Biên Hòa. Về mặt kinh tế - xã hội các cấu trúc và mô lần của các hệ thống nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, địch vụ đều gắn bó với thành phố Biên Hòa.

4) Sự phát triển không đồng đều giữa các ấp:

a. Nguyên nhân lịch sử và sự phát triển:

Ấp I và ấp II hoàn toàn chỉ có ý nghĩa hành chính. Điều này do sự phát triển của kinh tế quyết định. Cũng đã có những ý kiến đề xuất nên chia ra nhỏ hơn, nhưng cấp ấp không còn là đơn vị hành chính cơ sở nữa. Điều quan trọng là trong sự phát triển chung, vốn nó đã hình thành nên một khối, cho nên việc

phân chia này cũng trở nên một chuyện hình thức. Hai ấp này trở thành xã An Hòa từ tháng 9-1994.

Ấp Phước Hội và ấp An Xuân vốn còn đọng lại từ thời lập ấp, với truyền thống hơn 200 năm vẻ vang (nay là xã Long Hưng). Sự phát triển về kinh tế ở đây còn chậm chạp, cho nên việc còn giữ lại những tổ chức của quá khứ cũng chưa đặt ra điều gì cấp bách lắm. Ở đây không có sự gắn kết về dòng họ như các làng ở Bắc Bộ, chỉ cần có sự phát triển về mặt giao thông thì sự phân chia ra các cấp sẽ trở thành một việc đơn thuần về mặt hành chính. Dưới ấp còn chia ra khu, mỗi một ấp đều có 5 khu.

b. Tổng số và cơ cấu ngành nghề của các hộ qua 4 ấp:

Ấp I có số hộ đông nhất, hộ nông nghiệp chiếm 42,71%, các hộ khác cũng chiếm 43,24%, số hộ thương nghiệp chiếm 56,25% trong tổng số hộ thương nghiệp trong toàn xã. Ấp II hộ nông nghiệp ít nhất trong toàn xã, chỉ chiếm 36,19% còn các hộ khác lại có tỉ lệ đông nhất trong toàn xã 51,87%. ấp Phước Hội chiếm tỉ lệ cao nhất về số hộ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong toàn xã 56,77%. Ấp An Xuân được xem như ấp thuần nông, 91,58% số hộ trong ấp làm ruộng. Hiện tượng này cũng được phản ánh qua cơ cấu các loại nhà ở trong phạm vi ấp.

Bảng 9. *Tổng số hộ, nhà, cơ cấu ngành nghề chủ yếu của hộ và cơ cấu các loại nhà. Nguồn : UBND xã cung cấp 14.8.1994.*

	Tổng số	Cơ cấu 100%	Ấp I		Ấp II		Phước Hội		An Xuân	
			T. Số	%	T. Số	%	T. Số	%	T. Số	%
A. Các loại hộ	2994	100	1496	100	721	100	385	100	392	100
1. Hộ nông nghiệp	1513	59,11	639	42,71	261	36,19	254	65,97	359	91,58
2. Hộ lâm nghiệp	5	0,11	3	0,20	2	0,27	-	-	-	
3. Hộ thủy sản	30	0,59	26	1,73	3	0,41	1	0,75	-	
4. Hộ c. nghiệp, TTCN	118	5,58	36	2,40	11	1,52	67	17,40	4	1,01
5. Hộ xây dựng	41	1,31	26	1,73	3	0,41	12	3,11		
6. Hộ thương nghiệp	112	3,11	63	4,21	37	5,13	12	3,11		
7. Hộ dịch vụ	86	1,97	56	3,74	30	4,16	-	-		
8. Hộ khác	1089	28,15	647	43,24	374	51,87	39	10,12	29	7,39
B. Các loại nhà ở	2932	100	1546	100	707	100	382	100	387	100
1. Nhà kiên cố	151	5,78	71	14,78	22	3,11	54	14,13	4	1,03
2. Nhà bán kiên cố	1820	61,26	857	55,85	540	76,37	160	41,88	263	67,95
3. Nhà khác	961	32,93	528	30,26	145	20,5	168	43,97	120	31,00

c. So sánh một vài chỉ tiêu bình quân:

Số nhân khẩu bình quân một hộ của xã là 5,08, ấp thấp nhất: 4,96 và ấp Phước Hội cao nhất: 5,38. Đất thổ cư bình quân một hộ là 317,16 m^2. Điều 54 của luật đất đai qui định là không quá 400m^2 (1)[1]. Như vậy tình trạng ở xã Hòa Hưng cũng không có gì đặc biệt. Ấp Phước Hội lại chỉ có bình quân 260,77m^2, không khác gì những nơi đất chật người đông như vùng Thái Bình ở đồng bằng sông Hồng ấp I tuy đông người, nhiều hộ, nhưng đất vườn bình quân một hộ lại lớn nhất xã, 711,30m^2, trong lúc bình quân của cả xã về chỉ tiêu này là 511,80m^2. Về đất nông nghiệp và đất trồng cây lâu năm bình quân một hộ nông nghiệp thì ấp An Xuân đứng đầu toàn xã: 11699,31m^2 và 10582,13m^2. Một ấp lắm ruộng nhưng lại chưa có điện, đường. Thời mở cửa, giá trị

của một mét vuông đất ở các ấp khác, có khi cao gấp 10 lần, thậm chí 100 lần, giá trị một mét vuông ruộng của An Xuân.

Bảng 10. *Vài chỉ tiêu tổng hợp bình quân một hộ (Nguồn : UBND xã cung cấp 14.8.1994)*

	Đơn vị	Toàn Xã	Ấp I	Ấp II	Phước Hội	An Xuân
1a. Tổng số nhân khẩu	người	12.217	9427	3662	2074	2034
1b. Số nhân khẩu bình quân 1 hộ	-	5,08	4,96	5,02	5,38	5,23
2a. Đất thổ cư	ha	96,4528	46,1309	28,1816	14,0400	12,1003
2b. Đất thổ cư bình quân 1 hộ	m^2	317,16	302,36	390.86	260,77	308,68
3a. Vườn	ha	174,1414	106,4113	34,3506	17,2195	16,1600
3b. Vườn bình quân 1 hộ	m^2	511,80	711,30	476,42	447,25	412,24
4a. Đất nông nghiệp	ha	1312,2484	600,1017	65,0873	227,0412	420,0182
4b. Đất nông nghiệp bình quân 1 hộ	m^2	8130,82	9391,26	2493,76	938,62	11699,31
5a. Đất trồng cây lâu năm	ha	1096,8682	450,4526	65,0873	201,4296	397,8987
5a. Đất trồng cây lâu năm bình quân 1 hộ	m^2	7013,87	7049,33	2493,76	7930,29	10582,13

d. Nhận xét về số lượng máy giữa các ấp:

Ấp Phước Hội là một trong bốn ấp không có loại máy nào cả. Là một nơi được hoạch định theo kế hoạch trước đây là khu nông nghiệp của tỉnh, nhưng cả xã không có một máy tuốt lúa, không có lấy một trạm bơm do xã quản lý hoặc do nhà nước quản lý đặt trên địa bàn của xã, không có một công trình thủy lợi. Việc phát triển các loại tàu thuyền có liên quan mật thiết đến môi trường và sinh thái của xã.

Bảng 11. *Số lượng các loại máy qua 3 ấp của xã.*

(Nguồn : UBND xã cung cấp)

---

(1) Các văn bản pháp luật về đất đai, nhà ở và thuế đất. 1993. NXBCTQG, HN, 25.

Loại	Đơn vị tính	Tổng số	Ấp I	Ấp II	Ấp An Xuân
1. Máy kéo lớn	cái	44	25	12	7
2. Máy kéo nhỏ	cái	40	27	9	4
3. Tàu, thuyền vận tải cơ giới	cái	102	4	-	98
4. Máy bơm nước.	cái	79	12	.60	7

Bảng 12. *Số lượng máy chủ yếu bình quân 100 hộ, của 3 ấp.*

(Nguồn: UBND xã cung cấp)

Loại	Đơn vị tính	Toàn xã	Ấp I	Ấp II	Ấp An Xuân
1. Máy kéo lớn	cái	1,27	1,67	1,66	1,78
2. Máy kéo nhỏ	cái	1,01	1,80	1,24	1,02
3. Tàu, thuyền vận tải cơ giới	cái	6,31	0,26	-	25
4. Máy bơm nước	cái	2,72	0,80	8,32	1,79

5. Tính đa dạng trong sự phát triển:

Vài nét qua những con số giúp chúng ta với sự tiếp cận nhanh, có thể có được một nhận xét gần đúng về thực trạng của xã Hòa Hưng. Những bảng thống kê khô khan này rõ ràng không thể phản ánh chính xác những số liệu phi thống kê. Mỗi một địa hình của xã đều mang dấu ấn của quá khứ và hàng ngày vẫn tự kể về lịch sử của mình. Xã Hòa Hưng là một vùng nông thôn, nhưng không phải chỉ có toàn nông dân, mà cho dù họ là nông dân thì cũng có rất ít trong số họ chỉ chuyên về nông nghiệp.

Tiếp xúc với những phong cảnh đẹp như tranh ở nông thôn Hòa Hưng, người ta cũng dễ nhận thấy ngay bên cạnh đó mặt đất bị lở loét, như đương bị bóc lên lớp da của mình. 27,43% diện tích đất còn không được dùng tới, theo thống kê, thì người ta chỉ ước định sự khai thác về mặt nông lâm nghiệp, nhưng trong thâm tâm của người dân Hòa Hưng, nếu khai thác được thì họ sẽ có những cách khai thác hiệu quả hơn nhiều, điều này lại không thuộc về quyền hạn của UBND xã. Đất nông nghiệp chỉ chiếm 62,23% diện tích đất của xã, nhưng việc mở rộng thêm diện tích trồng trọt là điều ít ai nghĩ đến, cho dù có chủ trương từ cấp trên đưa xuống. Dân số trong năm năm đã tăng 111,59%, phần lớn là người các nơi khác đổ về. Rõ ràng là đất lành chim đậu, nhưng trong sự vui mừng cởi mở này không phải không có nỗi lo. Ao đầm mênh mông, nhưng diện tích nuôi trồng thủy sản chỉ chiếm 2,08% diện tích. Báo cáo điển hình thì được, vì có người làm ăn giỏi, nhưng hiệu quả trên tổng thể thì lại không có là bao. Dân thì lại thích phát triển nghề nuôi vịt để lấy thịt và trứng. Nơi có đường sá thì xe cộ rầm rập suốt ngày đêm, kể cả những xe không biển số tranh thủ làm sớm và chiều tối để tránh sự kiểm soát. Nơi không có đường thì làm sớm, ngủ sớm để tránh công việc dầu đèn phiền phức. Trong sự phát triển đa dạng cũng đã xuất hiện những mâu thuẫn. Nông dân có ruộng, nhưng

lại đem ruộng cho thuê, để mình cũng đi kiếm ăn bằng nghề làm thuê. Trồng rừng rồi lại phá rừng, trong lúc vẫn còn có nhiều đất trống. Muốn làm một cái gì chung cũng cứ lởn vởn ý nghĩ chia xã với chia huyện. Cảnh quan, địa hình Hòa Hưng đã phản ánh sự đa dạng. Sự hòa nhập của những dòng người cũng tạo nên sự đa dạng. Sự phát triển nằm ở chỗ giữ được tính đa dạng đó.

Chương III:

ĐÔI NÉT VỀ QUÁ KHỨ BẾN GỖ

1. Tư liệu khảo cổ học

a. Thám sát nghiên cứu về khảo cổ học

- Năm 1988, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai và Viện Khoa học Xã hội TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức thám sát ở khu vực đình Phước Hội, từ 20 - 23/9 [(1)], với 4 hố khai quật, tổng cộng 22m^2:

- BG 88. TS1 : 2,3 = 6m^2
- BG 88. TS2 : 2,2 = 4m^2
- BG 88. TS3 : 2,4 = 8m^2
- BG 88. TS4 : 1,4 = 4m^2

[(1)] Đào Linh Côn. Bùi Chí Hoàng. Báo cáo điều tra thám sát Bến Gỗ. Tư liệu Nhà bảo tàng Đồng Nai. Thời gian hoàn thành báo cáo không ghi.

Tầng văn hóa dày nhất, có độ sâu 1,2m, nói chung đều bị xáo trộn. Những hiện vật trong các hố thám sát:

+ **Vật hình chóp:** 5 tiêu bản, gốm kiến trúc, xương mịn, màu xám tro, có màu vàng xám hoặc trắng xám, kích thước như nhau. Chóp hình búp sen, giữa thân có gờ nổi, đáy hình bầu dục, bên trong rỗng để gắn vào một vật khác. Kích thước vật lớn nhất: cao 0,25, búp sen cao 0,145, đường kính gờ nổi 0,098, đế 0,17, 0,135m.

+ **Đèn**: phần lớn vỡ nát, gốm mịn, bên ngoài màu đỏ gạch nặn bằng tay. Hiện vật phần miệng hình chén nhỏ, thân dài, tròn, đế bằng. Hiện vật này thường được phát hiện phổ biến trong các di tích văn minh Ốc Eo.

Một chiếc bị vỡ làm ba, còn phục chế lại được. Miệng đèn cao 0,035, vách rộng 0,079, thành miệng khum, thân dài 0,072, đáy với đường kính rộng 0,066, với rìa mép vểnh cong.

+ Hiện vật được báo cáo gọi là nắp vung, có khả năng là những ấm đất, gốm mịn, nhiệt độ nung cao, xương gốm màm xám tro, áo hồng nhạt, núm tròn, miệng loe ngang, giữa có một lõm sâu, hơi cong, thân mỏng dần ở rìa cạnh. Núm cao 0,008, đường kính 0,024 – 0,016. Mặt chính bị vỡ.

+ **Ngói**: rất nhiều, màu đỏ gạch, màu vàng, hình dáng giống ngói có mầu hiện đại, không rõ kích thước cụ thể.

+ **Gạch**: mặt ngoài nhám, xương có trộn vỏ trấu. Thường có màu đỏ vàng. Kích thước 0,275. 0,125. 0,062m.

+ **Gốm cứng văn in**: Một mảnh ở phần cổ hiện vật, xương mịn, màu đen xám, bên ngoài vàng nhạt, in hoa văn khắc vạch kết hợp với hình chữ S cong xoắn lại thành hình số 8. Độ nung cao.

+ **Gốm mịn**: Có lẽ là những mảnh vỏ của loại nồi gốm, xương mịn, màu đen, áo vàng nhạt, không hoa văn.

+ **Thỏi gốm:** hình trụ tròn, thường bị gãy ở hai đầu, xương mịn, màu đen, ngoài màu vàng nhạt. Thỏi to nhất có đường kính 0,027m, nung không đều, làm bằng tay. Loại gốm này thường hay gặp trong các di tích thuộc giai đoạn Đường Cồ ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

+ **Hũ sành**: nhiều loại, thường có hoa văn khắc chìm ở phần cổ. Loại có da đỏ, phổ biến từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào, có niên đại thuộc thế kỷ XV, thường được gọi là đồ sành chàm. Loại xanh xám có niên đại muộn hơn.

+ **Thỏi đá**: đá sét kết, hình trụ, phần còn lại dài 0,115m, đường kính phần vỏ nhỏ 0,0041, phần kia 0,05, trên có đường

gờ nổi. Thỏi đá có 2 màu, một nửa màu trắng đục, một nửa màu da lươn.

+ **Linga**: đá hoa cương mịn, gãy phần dưới. Phần còn lại có đục hai đường chỉ chìm, dài 0,033, cách nhau 0,009, rộng ở phần dưới và chụm lại ở gần phía đầu linga. Đầu linga tròn, phình rộng, kính 0,0385.

+ **Phù điêu**: ba mảnh sa thạch, của ba bức phù điêu, màu nâu xám.

- Một mảnh kích thước 0,095. 0,068, chạm nổi hình một người đàn ông đội mão nhọn, hình tứ giác, không rõ hoa văn. Mặt bầu, mắt to, lồi, lông mày không rõ, không trề môi, có râu, hình như không phải dạng người bản địa.

- Một mảnh kích thước 0,21. 0,19. 0,007. Trên có chạm nổi phần thân nữ giới, ngực to, đeo đồ trang sức không rõ dạng, bụng thon, ngồi chân chống cao, tay trái đặt lên đầu gối.

- Một mảnh trên đó chỉ có hình chạm nổi một cánh tay vũ nữ.

+ **Rãnh đổ nước**: Sa thạch, trên có rãnh lõm chạy dài theo chiều dọc, thường được gọi là somasutra.

+ **Phún thạch**: trong TS3, đá để xây dựng nền móng, nằm ở phần trên sinh thổ.

+ **Đá ong**: trong TS4 đá để xây dựng nền móng.

Hình vẽ 1: Một số hiện vật, gốm, đá phát hiện qua thám sát ở Phước hội.

+ **Tượng**: sa thạch, màu trắng xám, 2 tay bị gãy và thất lạc, cao 1,50m, tạc một người đàn ông, chít khăn, cổ đeo trang sức, thân trần; đóng khố, đứng trên một cái bệ hình như còn có cả một cái gậy, bị gãy, để lại dấu vết ở giữa khoảng cách của hai đầu bàn chân.

Mặt của khối tượng có nét bầu bầu, thanh tú, lông mày cong xếch, mắt tròn lồi, mũi thẳng, cao, môi dưới dày, hơi trề ra, cằm vuông bị chẻ. Hai tai, bên phải bị sứt, bên trái chỉ bị mất phần dái tai, chứng tỏ một đôi tai to.

Trên đầu để bảo vệ tóc có hai bộ phận. Theo thứ tự từ trên xuống dưới.

Đỉnh đầu được che kín bằng một cái mũ hình chóp có 4 băng trang trí cách nhau bằng một đường chỉ nổi, 4 băng đều trang trí giống nhau, gồm những búp bông hoa có hai lớp cánh giống nhau, mỗi lớp ba cánh, cánh giữa nhọn, hai cánh bên tròn.